

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-10-2019

V/v “Ly hôn, nuôi con chung khi ly
hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:

Bà Phạm Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Thu Nga

Bà Mai Thị Kim Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà, Thư ký Tòa của Tòa án nhân dân thành phố T tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”, thụ lý số 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đ. Quốc.T

Sinh ngày 26 tháng 4 năm 1978

Địa chỉ: 35/1 Đường H Phường H thành phố T tỉnh L

- Bị đơn: Bà Mai Thị.H.Đ

Sinh ngày 09 tháng 02 năm 1985

Địa chỉ: 35/1 Đường H Phường H thành phố T tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn là ông Đ. Quốc.T trình bày: Sau gần một năm tìm hiểu, ông và bà Mai Thị.H.Đ kết hôn với nhau vào năm 2005. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ có những mâu

thuần vật thôi. Tuy nhiên, đến tháng 3 năm 2019, bà Đ bỏ nhà đi cùng người đàn ông khác. Ông hoàn toàn không biết lý do bà Đ bỏ đi và ông cũng không liên lạc được với bà Đ. Từ đó đến nay, bà Đ không một lần nào liên lạc thăm con và gia đình ruột của bà Đ cũng không có tin tức gì. Không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Đ.

Về con chung, ông và bà Đ có một người con chung, tên là Đ. Khải M, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2006, con chung hiện đang sống cùng ông, ông có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Mai Thị.H.Đ đã được thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không tham gia tố tụng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình tố tụng.

Về nội dung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết các vấn đề khác theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Đ. Quốc.T và bà Mai Thị.H.Đ là vợ chồng. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 3 năm 2019, bà Đ đã bỏ nhà đi cùng người đàn ông khác, không cho ông T biết nơi bà đến và cũng không giải thích lý do của việc rời bỏ ông và con. Từ thời gian đó đến nay, bà Đ không liên lạc gì với ông T, không thăm nom con. Không thể kéo dài tình trạng hôn nhân hiện tại, ông Đ. Quốc.T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Mai Thị.H.Đ. Theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý và giải quyết vụ án.

[2] Theo văn bản xác minh của Công an Phường H thành phố T tỉnh L thì bà Mai Thị.H.Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 35/1 Đường H Phường H thành phố T tỉnh L nhưng hiện tại, bà Đ không còn sinh sống tại địa phương. Ông Đ. Quốc.T đã thực hiện việc thông báo tìm kiếm bà Đ trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bà Đ vẫn không tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà Mai Thị.H.Đ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ông Đ. Quốc.T cũng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ông nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Đ và ông T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2005 nên áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình (năm 2000) để giải quyết về nội dung theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà Đ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khó có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ. Quốc.T theo quy định tại Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình (năm 2000).

[5] Về con chung, ông T và bà Đ có một người con chung, tên là Đ. Khải M, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2006, con chung hiện đang sống cùng ông T. Ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu của ông T phù hợp với quy định, phù hợp với nguyện vọng của con chung, thể hiện tại biên bản ghi ý kiến của con chung vào ngày 10 tháng 9 năm 2019. Đồng thời, việc ông T trực tiếp nuôi con chung đảm bảo lợi ích của con chung vì bà Đ đã bỏ đi, không quan tâm đến con chung và cũng không có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, ông Đ. Quốc.T là người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn; Bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Bà Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở bà Đ thực hiện quyền này; Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Về tài sản chung và nợ chung, do không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Về án phí: Ông Đ. Quốc.T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Đ. Quốc.T phải chịu 2.400.000 đồng (đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 89, Điều 91, Điều 92, Điều 93 và Điều 94 Luật hôn nhân và gia đình (năm 2000), Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 272 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Đ. Quốc.T đối với bà Mai Thị.H.Đ.

Sau khi ly hôn, ông Đ. Quốc.T là người trực tiếp nuôi con chung, tên là Đ. Khải M, sinh ngày 26 tháng 12 năm 2006; Bà Mai Thị.H.Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Mai Thị.H.Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở bà Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc hai bên đương sự có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí: Ông Đ. Quốc.T chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002999 ngày 20 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T) thành án phí sơ thẩm.

Về chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ông Đ. Quốc.T phải chịu 2.400.000 đồng (đã nộp đủ).

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp
- Chi cục thi hành án dân sự
- Các đương sự
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Thảo